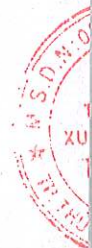




TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025



MỤC LỤC

| | |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ CHỮ VIẾT TẮT..... | 4 |
| PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG..... | 6 |
| I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT | 6 |
| 1. <i>Quá trình hình thành và phát triển</i> | 6 |
| 2. <i>Các mốc sự kiện quan trọng</i> | 6 |
| 3. <i>Thành tích Công ty đã đạt được trong những năm qua</i> | 7 |
| II. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH..... | 8 |
| 1. <i>Ngành nghề kinh doanh</i> | 8 |
| 2. <i>Địa bàn kinh doanh</i> | 8 |
| III. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ | 8 |
| 1. <i>Mô hình quản trị</i> | 8 |
| 2. <i>Cơ cấu bộ máy quản lý</i> | 9 |
| IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN | 10 |
| 1. <i>Mục tiêu chung</i> | 10 |
| 2. <i>Chiến lược phát triển trung và dài hạn</i> | 10 |
| V. CÁC RỦI RO CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY | 10 |
| PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM | 11 |
| I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025..... | 11 |
| 1. <i>Danh sách Ban điều hành</i> | 12 |
| 2. <i>Chính sách đối với người lao động</i> | 12 |
| 2.1. <i>Cơ cấu lao động (tính đến 31/12/2025)</i> | 12 |
| 2.2. <i>Chính sách đối với người lao động</i> | 13 |
| II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN..... | 15 |
| III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH | 15 |
| 1. <i>Tình hình tài chính</i> | 16 |
| 2. <i>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</i> | 16 |
| IV. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG | 16 |
| V. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI | 17 |
| 1. <i>Bảo vệ môi trường</i> | 17 |
| 2. <i>Kiểm soát môi trường làm việc</i> | 17 |
| 3. <i>Chăm lo cho NLD</i> | 17 |
| 4. <i>Đối với cộng đồng và xã hội</i> | 18 |
| PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 19 |
| I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH..... | 19 |
| II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH | 19 |
| 1. <i>Tình hình tài sản</i> | 19 |
| 2. <i>Tình hình nợ phải trả</i> | 20 |
| - <i>Tổng các khoản nợ ngắn hạn là 175.312.092.277 đồng.</i> | 20 |
| III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2026 | 20 |
| 1. <i>Dự báo tình hình</i> | 20 |
| 2. <i>Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu</i> | 20 |
| 3. <i>Các giải pháp để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2026</i> | 21 |
| IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY | 22 |
| PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY | 23 |
| I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY | 23 |
| II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH..... | 23 |

| | |
|-----------------------------------------------------------------------------|-----------|
| III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT | 23 |
| PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY..... | 25 |
| I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 25 |
| 1. Cơ cấu Hội đồng quản trị..... | 25 |
| 2. Các Tiểu ban thuộc HĐQT..... | 26 |
| 2.1. Tiểu ban Chính sách phát triển: gồm có 05 thành viên..... | 26 |
| 2.2. Tiểu ban Nhân sự- Lương thưởng: gồm có 03 thành viên..... | 26 |
| 3. Hoạt động của HĐQT..... | 26 |
| 4. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT..... | 27 |
| 5. Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT..... | 29 |
| II. BAN KIỂM SOÁT..... | 29 |
| 1. Cơ cấu Ban kiểm soát..... | 29 |
| 2. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025..... | 30 |
| III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BGĐ | 30 |
| 1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích..... | 30 |
| 2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có..... | 30 |
| PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025 | 32 |

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ CHỮ VIẾT TẮT

- BKS : Ban kiểm soát
- BGĐ : Ban Giám đốc
- BDH : Ban điều hành
- BHXH : Bảo hiểm xã hội
- CBNV : Cán bộ nhân viên
- Công ty : Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức (TIMEXCO)
- CP : Cổ phiếu
- CHXD : Cửa hàng xăng dầu
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- KH : Kế hoạch
- LNST : Lợi nhuận sau thuế
- LNTT : Lợi nhuận trước thuế
- NLĐ : Người lao động
- NSDLĐ : Người sử dụng lao động
- PCCC : Phòng cháy chữa cháy
- TH : Thực hiện
- Tổng công ty : Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP (PVOIL)
- VDL : Vốn điều lệ

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI XNK THỦ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 10 /CBTT-TMC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 03 năm 2026

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2025**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội



PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức
- Tên giao dịch quốc tế: Thu Duc Trading and Import Export Joint Stock Company
- Tên viết tắt: TIMEXCO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301444626
- Vốn điều lệ: 124.000.000.000 đồng
- Địa chỉ trụ sở chính: 231 Võ Văn Ngân, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (84-8) 028 38966819
- Số fax: (84-8) 028 38963210
- Website: www.timexcothuduc.com.vn
- Mã cổ phiếu: TMC

1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức được hình thành từ việc sáp nhập 02 doanh nghiệp nhà nước là Công ty Vật tư Tổng hợp huyện Thủ Đức và Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Thủ Đức với tên gọi là Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức, đến năm 2000 được cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức cho đến nay. Kể từ khi cổ phần hóa, Công ty không ngừng mở rộng mạng lưới kinh doanh, phát triển thêm nhiều ngành hàng mới. Hiện nay, Công ty đã có hệ thống 28 Cửa hàng bán lẻ xăng dầu hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận.

Từ tháng 12 năm 2014, Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức chính thức trở thành công ty con của Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL), hiện đang sở hữu 51,01% VĐL của Công ty.

2. Các mốc sự kiện quan trọng

Ngày 27/03/2000: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức được thành lập theo Quyết định số 09/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ. Vốn điều lệ ban đầu là 14 tỷ đồng, trong đó phần vốn Nhà nước chiếm tỷ lệ 40%.

- Năm 2002: Tăng VĐL lên 18 tỷ đồng.
- Năm 2004: Bán đấu giá thành công 40% phần vốn Nhà nước.
- Năm 2006: Tăng VĐL lên 27 tỷ đồng.

- Tháng 12/2006: Cổ phiếu của TIMEXCO được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh).
- Năm 2007: Tăng VDL lên 40 tỷ đồng.
- Tháng 5/2009: Chuyển niêm yết sang giao dịch cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).
- Năm 2010: Tăng VDL lên 80 tỷ đồng.
- Năm 2012: Tăng VDL lên 124 tỷ đồng.

3. Thành tích Công ty đã đạt được trong những năm qua

- Năm 2008: Công ty đạt Huân chương Lao động Hạng Ba của Chủ tịch nước và được Bằng khen của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Năm 2009: Công ty được tặng Cờ Thi đua của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Năm 2010: Công ty đạt Cúp Thương hiệu Chứng khoán uy tín và được Cờ Thi đua của Chính phủ.
- Năm 2011: Công ty được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và cờ Thi đua của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Năm 2012: Công ty được tặng Bằng khen và Cờ Thi đua của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- 9 năm liền (2007 – 2015) Công ty liên tục được đánh giá xếp hạng trong Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.
- Đạt giải “Sao vàng đất Việt” các năm 2010, 2011, 2012 và 2013.
- Năm 2014: Công ty đạt Huân chương Lao động Hạng Nhì do Chủ tịch nước trao tặng; được Bằng khen của Bộ Công Thương đã đạt thành tích hoàn thành xuất sắc công tác kinh doanh năm 2014.
- Năm 2015: Công ty được tặng Cờ Thi đua của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam; được Bằng khen của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về công tác vận động quỹ Vì người nghèo giai đoạn 2001- 2015.
- Năm 2016: Công ty được tặng Cờ Thi đua của Bộ Công Thương.
- Công ty đã liên tục đạt danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” qua các năm từ năm 2001 đến năm 2017.

II. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

1. *Ngành nghề kinh doanh*

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Kinh doanh xe gắn máy;
- Kinh doanh nhà hàng, hội nghị, tiệc cưới;
- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng;
- Sắt thép, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

2. *Địa bàn kinh doanh*

Địa bàn kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, Công ty còn có các điểm kinh doanh tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Lâm Đồng, Đồng Tháp.

III. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

1. *Mô hình quản trị*

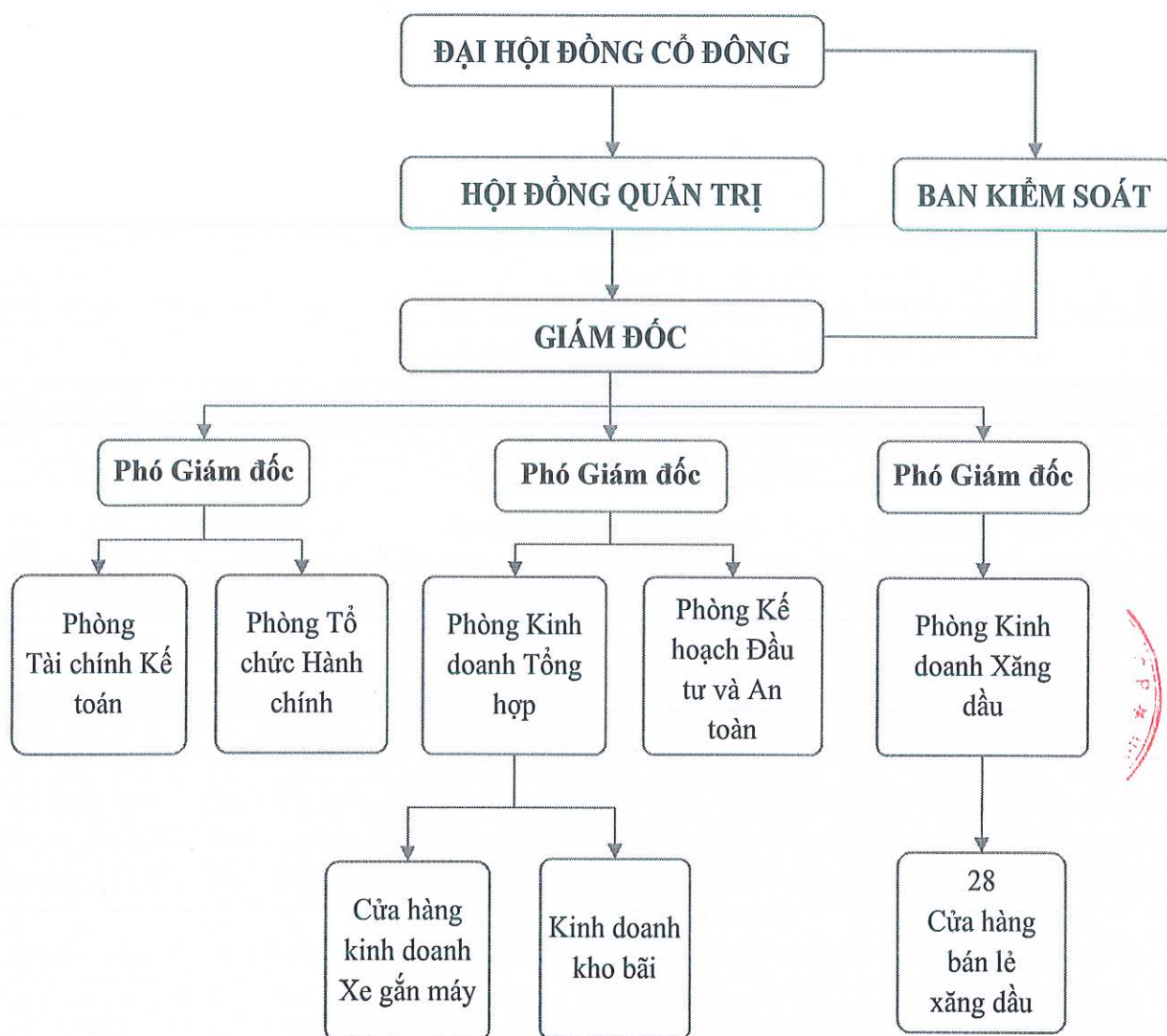
Mô hình quản trị Công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.

- Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Thành viên HĐQT, BKS.

- Các Tiểu ban trực thuộc HĐQT: Tiểu ban Chính sách phát triển, Tiểu ban Lương thưởng.

- Đứng đầu BDH là Giám đốc Công ty, là người đại diện theo pháp luật, chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động của Công ty. Giám đốc quản lý và điều hành Công ty thông qua việc phân cấp, phân quyền cho các Phó Giám đốc và các Trưởng bộ phận để giải quyết công việc cụ thể.

2. Cơ cấu bộ máy quản lý



IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu chung

Công ty tập trung mọi nguồn lực để phát triển ngành kinh doanh chính là xăng dầu, đẩy mạnh kinh doanh những ngành hàng, dịch vụ khác ngoài xăng dầu theo nguyên tắc đảm bảo hiệu quả và bảo toàn vốn, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và nhà đầu tư; chung tay bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng.

2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Đầu tư phát triển mạng lưới bán hàng, nâng cao thị phần kinh doanh xăng dầu.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng chính sách giá cả linh hoạt, hợp lý, nắm bắt thời cơ kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ và đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, đảm bảo tạo ra sự thỏa mãn, hài lòng cho khách hàng, tăng cường tiếp thị, quảng bá thương hiệu.
- Đa dạng hóa và phát triển sản phẩm mới, đầu tư khai thác các dịch vụ tiện ích tại CHXD và các điểm kinh doanh, đẩy mạnh các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, lựa chọn đối tác tốt để hợp tác kinh doanh.
- Tăng cường công tác quản lý, giám sát, kiểm tra, quản lý bán hàng, tiết giảm chi phí hao hụt xăng dầu, hạn chế rủi ro trong kinh doanh, bảo toàn và gia tăng hiệu quả sử dụng vốn và tài sản, luôn tuân thủ các chính sách, quy định của Nhà nước trong hoạt động kinh doanh.
- Định kỳ và thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho CBNV, nhân viên bán hàng; cải tiến chế độ tiền lương, thưởng hợp lý đồng thời động viên, khen thưởng kịp thời cho các cá nhân và tập thể NLĐ có thành tích tốt trong hoạt động kinh doanh để làm đòn bẩy phát triển kinh doanh.

V. CÁC RỦI RO CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Rủi ro về giá dầu: Giá dầu thô và xăng dầu trên thế giới biến động liên tục, rất khó lường, phức tạp và phụ thuộc nhiều yếu tố như tình hình chính trị, tình hình kinh tế tại các nước như Mỹ, Trung Quốc, châu Âu; diễn biến nhu cầu và nguồn cung trên toàn thế giới cũng như các yếu tố tài chính, tâm lý thị trường. Để ứng phó, Ban Lãnh đạo Công ty chú trọng công tác phân tích, dự báo và theo sát diễn biến thị trường và có chính sách điều hành linh hoạt.

Rủi ro về điều hành kinh doanh xăng dầu (KDXD) của Chính phủ: Hoạt động kinh doanh của Công ty có liên quan mật thiết với những thay đổi, điều chỉnh chính sách của Nhà nước. Điều hành KDXD của Chính phủ trong những năm gần đây đã thể hiện sự minh bạch và tiếp cận thị trường, tuy nhiên vẫn tiềm ẩn rủi ro cho doanh nghiệp.

Rủi ro về cháy nổ, ô nhiễm môi trường: Kinh doanh xăng dầu là ngành nghề có rủi ro cao về cháy nổ, hỏa hoạn, ô nhiễm môi trường...Khi sự cố xảy ra sẽ để lại hệ lụy nặng nề tại các CHXD và tình hình kinh doanh của Công ty. Để hạn chế và kiểm soát rủi ro đặc thù này, Công ty đã đầu tư, trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định và mua đầy đủ các loại bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm cháy nổ...

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

| CHỈ TIÊU | ĐVT | TH 2024 | NĂM 2025 | | | |
|----------------------------|----------------|------------|----------|---------|------|--------------|
| | | | KH | TH | %/KH | %/TH 2024 |
| 1. Sản lượng | | | | | | |
| - Sản lượng KDXD | m ³ | 128.443 | 127.000 | 136.847 | 108% | 107% |
| - Sản lượng DMN | lít | 80.809 | 75.000 | 96.866 | 129% | 120% |
| 2. Doanh thu | tỷ đồng | 2.489 | 1.909,1 | 2.459 | 129% | 99% |
| - Kinh doanh XD | " | 2.398 | 1.803,1 | 2.365 | 131% | 99% |
| - Kinh doanh, dịch vụ khác | " | 91 | 106 | 95 | 90% | 104% |
| 3. Lợi nhuận trước thuế | " | 12,75 | 10 | 13,07 | 131% | 103% |
| 4. Các khoản nộp NSNN | " | 25,19 | | 22,19 | | 88% |

Về sản lượng kinh doanh xăng dầu và sản lượng kinh doanh khác:

- Sản lượng xăng dầu tiêu thụ năm 2025 là 136.847 m³, đạt 108% so với kế hoạch.
- Sản lượng tiêu thụ dầu mỡ nhờn thực hiện năm 2025 đạt 96.866 lít, bằng 129% so với kế hoạch năm 2025.
- Sản lượng kinh doanh xe gắn máy ước thực hiện năm 2025 đạt 1.354 chiếc, đạt 85% kế hoạch năm 2025. Sản lượng kinh doanh xe gắn máy giảm là do các yếu tố sau: thị trường xe máy truyền thống đã đi vào giai đoạn bão hòa. Bên cạnh đó, xu hướng chuyển dịch tiêu dùng sang các dòng xe máy điện thân thiện với môi trường đang gia tăng mạnh mẽ, làm chia sẻ thị phần và ảnh hưởng trực tiếp đến sức mua các dòng xe động cơ đốt trong mà Cửa hàng đang phân phối; Đồng thời tình hình kinh tế chung còn nhiều biến động, thu nhập của người dân chưa phục hồi hoàn toàn dẫn đến tâm lý thắt chặt chi tiêu, hạn chế mua sắm các tài sản có giá trị lớn hoặc trì hoãn việc đổi xe mới, khiến sức cầu trên thị trường sụt giảm đáng kể.

Về doanh thu:

- Tổng doanh thu năm 2025 là 2.459 tỷ đồng, bằng 129% so với kế hoạch năm. Trong đó:

- + Doanh thu xăng dầu: 2.365 tỷ đồng, bằng 131% so với kế hoạch năm 2025.
- + Doanh thu khác: 95 tỷ đồng, bằng 90% so với kế hoạch năm 2025.

Về lợi nhuận trước thuế:

- Tổng lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2025 đạt 13,07 tỷ đồng (bao gồm thu nhập từ kinh doanh dịch vụ khác), đạt 131% so với kế hoạch năm 2025

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Danh sách Ban điều hành

- ◆ Ông **Lại Thế Nghĩa:** Giám đốc
 - Năm sinh: 1978
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế
 - Số cổ phiếu nắm giữ: 2.605.730 cổ phiếu (tỷ lệ 21%)
Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu
+ Đại diện PVOIL sở hữu: 2.605.730 cổ phiếu
- ◆ Bà **Nghiêm Thị Thanh Mai:** Phó Giám đốc
 - Năm sinh: 1982
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
 - Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu (tỷ lệ 0%)
- ◆ Ông **Nguyễn Anh Tuấn:** Phó Giám đốc
 - Năm sinh: 1981
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
 - Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu (tỷ lệ 0%)
- ◆ Ông **Bùi Minh Hiệp:** Phó Giám đốc
 - Năm sinh: 1982
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
 - Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu (tỷ lệ 0%)
- ◆ Bà **Vũ Hiền Linh:** Kế toán trưởng
 - Năm sinh: 1983
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
 - Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu (tỷ lệ 0%)

2. Chính sách đối với người lao động

2.1. Cơ cấu lao động (tính đến 31/12/2025)

- ◇ Tổng số lao động trong Công ty: 261 người, trong đó:
 - Người điều hành doanh nghiệp: 07 người
 - Công nhân viên chuyên môn nghiệp vụ, phục vụ, bảo vệ: 60 người
 - Công nhân viên trực tiếp kinh doanh: 194 người.

- Số cán bộ nhân viên có trình độ Đại học và Cao đẳng là: 90 người; Thạc sĩ: 04 người

◇ Tổ chức Đảng, đoàn thể:

- Đảng bộ: có 42 đảng viên
- Công đoàn cơ sở: có 261 đoàn viên công đoàn
- Đoàn cơ sở: có 28 đoàn viên thanh niên

2.2. Chính sách đối với người lao động

• Chính sách lao động tiền lương và đào tạo:

Công ty thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung các quy chế, quy định nội bộ liên quan đến công tác lao động, tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng... đảm bảo phù hợp các quy định của Nhà nước và đặc thù của Công ty.

- Đảm bảo đầy đủ việc làm cho Người lao động, bố trí công việc phù hợp với chuyên môn, khả năng của Người lao động; không có Người lao động phải ngừng việc hoặc mất việc làm.
- Về cơ bản, chính sách tiền lương tại Công ty đảm bảo được trả theo chức danh công việc đảm nhiệm, năng lực và kết quả công việc của mỗi CBNV.
- Hàng năm, Công ty đã triển khai giao mục tiêu và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (KPIs) cho CNCNV để gắn với việc trả lương bổ sung, trả thưởng theo kết quả KPI của từng cá nhân. Điều này góp phần tạo động lực cho CBNV luôn phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Trong năm 2025, mặc dù tình hình kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn nhưng Ban Giám đốc Công ty đã có các biện pháp tích cực chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kinh doanh, đảm bảo ổn định thu nhập cho người lao động trong năm 2025. Đồng thời Công ty vẫn đảm bảo chính sách đối với người lao động theo Thỏa ước lao động tập thể như:

- Trong năm, Công ty đã tổ chức cho người lao động tham dự các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, bao gồm học nghiệp vụ PCCN&CNCH, nghiệp vụ kinh doanh xăng dầu và BVMT, lớp huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động, quản lý chất lượng, lái xe vận tải... tổng chi phí đào tạo ước thực hiện là 503,38 triệu đồng.
- Công ty thực hiện đúng chế độ, chính sách cho Người lao động theo quy định của pháp luật và chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động theo Thỏa ước lao động tập, tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định, ngoài ra mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động 24/24 giờ, kịp thời trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động. Đối với người lao động trực tiếp kinh doanh tại Cửa hàng xăng dầu được bồi dưỡng chế độ độc hại. Ngoài ra mỗi người lao động vào ngày sinh nhật đều có quà tặng và người lao động khi kết

hôn đúng Luật Hôn nhân Gia đình được tặng quà theo đúng nội dung Thỏa ước lao động tập thể.

- **Hoạt động của Công đoàn Cơ sở:**

- Nhân dịp Tết Nguyên đán Ất Ty năm 2025, Công ty và Công đoàn đã tổ chức gặp mặt, lì xì đầu năm cho CBVN-NLĐ, tổ chức ngày XUÂN ĐOÀN KẾT - TẾT SUM VẦY năm 2025 đối với CBNV-NLĐ trực bán hàng, trực an toàn trong những ngày Tết tại 30 địa điểm kinh doanh Công ty.

- Có 85 đại biểu người lao động Công ty tham dự Hội nghị Người lao động năm 2025, Tổng kết thực hiện thỏa ước lao động tập thể năm 2023 – 2025 và ký kết Thỏa ước LĐTT mới 2025-2027.

- Công ty đã khuyến khích tặng quà cho các cháu đạt thành tích cao trong học tập năm học 2024-2025;

- Công ty và Công đoàn đã quan tâm tổ chức thăm hỏi động viên đoàn viên công đoàn trong Công ty như: quà Tết Trung thu cho CBCNV- NLĐ Công ty; Quà tết Thiếu nhi 01-06-2025; Hỗ trợ kinh phí cho Ban nữ công đơn vị tổ chức ngày 08/03 và Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10.

- Tổ chức tham quan nghỉ mát 02 đợt cho 97 cán bộ nhân viên, Người lao động tại Vũng Tàu.

- Xét đề nghị Công đoàn Tổng công ty hỗ trợ tặng quà cho CBCNV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, mắc bệnh hiểm nghèo và thu nhập thấp. Kịp thời đề nghị Công đoàn Tổng công ty hỗ trợ trong các dịp lễ...

- BCH Công đoàn Công ty vẫn thực hiện nghiêm túc công tác hợp để nắm được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh từ đó đề ra các phương hướng, giải pháp hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao. Tại cuộc họp định kỳ của BCH Công đoàn cũng như các cuộc họp chuyên đề của Công ty thường kết hợp với ban đối thoại của Công ty để đối thoại, giải thích và làm rõ những ý kiến liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động và người sử dụng lao động. Đến nay những ý kiến, đề xuất thỏa đáng của người lao động đã được ban đối thoại kiến nghị lên cấp trên để sửa đổi, bổ sung hoàn thiện cho phù hợp.

- **Hoạt động của Đoàn thanh niên:**

- Tham gia chương trình “cùng PVOIL về quê đón Tết” năm 2025, gói bánh chưng của Đoàn thanh niên PVOIL và trường Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật.

- Thực hiện theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo chuyển đổi số Tổng Công ty, Tổng Công ty phát động tổ chức cuộc thi “Sản xuất video clip quảng cáo Ứng dụng Pvoil4U bằng các ứng dụng AI” và cuộc thi “ Ý tưởng thực hiện chương trình khuyến mãi đối với Ứng dụng Pvoil4U” dành cho toàn thể CBNV, người lao động trong Tổng Công ty. Đoàn thanh niên tham gia 03 video và 09 ý tưởng khuyến mãi.

- Tham gia chiến dịch Ngày thứ 7 xanh kết hợp công đoàn công ty, một năm 2 lần.
- Tiếp tục bồi dưỡng giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng bộ để tạo nguồn phát triển đảng viên mới.
- Tham gia cuộc thi “Kiến thức ATGT và kỹ năng LXAT: tại 719-721 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, TP.Thủ Đức.
- Tham gia chương trình hiến máu “Nhiệt huyết Người Dầu Khí” năm 2025 tại Toà nhà PETROVIETNAM SỐ 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM.
- Ngày 05/09/2025 tổ chức Đại hội Đoàn Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức khóa IX, nhiệm kỳ 2025-2030. Số lượng hiện tại có 28 đoàn viên.
- Đoàn thanh niên đăng ký ý tưởng sáng tạo năm 2025, gồm 3 ý tưởng, trong đó có 1 ý tưởng kết hợp Trưởng Ban Kiểm Soát cụ thể là “Thiết lập QR thông tin địa chỉ các CHXD trong hệ thống” đã được Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP công nhận sáng kiến, ý tưởng năm 2025 (lần 4) theo Quyết định số 1083/QĐ-DVN ngày 30 tháng 12 năm 2025.
- Tham gia các hoạt động do Đoàn cấp trên phát động.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

- Đầu tư xây dựng cơ bản:

Trong năm 2025, Công ty đã triển khai thực hiện các hạng mục đầu tư, sửa chữa nhằm duy trì hoạt động ổn định của hệ thống CHXD và đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh. Các công việc trọng tâm gồm:

- Hoàn thành cải tạo, sửa chữa Văn phòng Công ty và Cửa hàng xăng dầu số 6.
- Hoàn thành các hạng mục sửa chữa CHXD theo Đề án 1114 về nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.
- Tiếp tục rà soát, xử lý các tồn tại liên quan đến pháp lý đất đai, hồ sơ đầu tư và các thủ tục xây dựng trên các khu đất thuộc sở hữu/thuê của Công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện thủ tục gia hạn thời gian sử dụng đất tại CHXD số 5, văn phòng công ty 231 Võ Văn Ngân, phường Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
- Phát triển hệ thống:

Trong chiến lược phát triển của mình, Công ty luôn kiên định với định hướng phát triển mở rộng hệ thống CHXD bán lẻ.

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển CHXD theo nhiều hình thức. Số CHXD phát triển mới trong năm là 04 CHXD, đạt 100% so với kế hoạch 2025. Đồng thời, Công ty tiếp tục đánh giá các cơ hội đầu tư mới, mở rộng mạng lưới phân phối xăng dầu tại các địa bàn lân cận.

III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu tài chính | Năm 2024 (VND) | Năm 2025 (VND) | So sánh (%) |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------|----------------|
| Tổng giá trị tài sản | 337.194.388.638 | 380.370.545.400 | 113% |
| Doanh thu thuần | 2.489.000.782.722 | 2.459.126.063.351 | 99% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 12.166.213.405 | 11.918.743.209 | 98% |
| Lợi nhuận trước thuế | 12.753.847.514 | 13.073.095.743 | 103% |
| Lợi nhuận sau thuế | 10.024.304.981 | 9.544.569.251 | 95% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 5% | 5% | 100% |

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2024 | Năm 2025 |
|--------------------------------------------------------------|------------|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: | <i>lần</i> | 1,34 | 1,03 |
| + Hệ số thanh toán nhanh: | <i>lần</i> | 0,98 | 0,90 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| + Hệ số nợ/Tổng tài sản | % | 42,49 | 48,98 |
| + Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 73,89 | 96,02 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: | <i>lần</i> | 50,52 | 97,41 |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | % | 7,38 | 6,47 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 0,40 | 0,39 |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | 5,17 | 4,92 |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 2,97 | 2,51 |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh Doanh thu thuần | % | 0,49 | 0,48 |

IV. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

| TT | CƠ CẤU CỔ ĐÔNG | CỔ ĐÔNG LỚN | THỜI ĐIỂM 21/05/2025 | |
|----|----------------|-------------|----------------------|---------------|
| | | | SL CỔ PHIẾU | TỶ LỆ/VĐL (%) |

| | | | | |
|-----------|---------------------------------------------------------------|---|-------------------|--------------|
| I | Cổ đông trong nước | | 12.184.040 | 98,25 |
| 1 | Tổ chức | | 9.556.184 | 77,06 |
| 1.1 | Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL) | x | 6.325.730 | 51,01 |
| 1.2 | Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh (SAIGON PETRO) | x | 1.847.160 | 14,90 |
| 1.3 | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op (SCID) | x | 1.017.000 | 8,2 |
| 1.4 | Tổ chức khác | | 366.294 | 2,95 |
| 2 | Cá nhân | | 2.627.856 | 21,19 |
| II | Cổ đông nước ngoài | | 215.960 | 1,75 |
| 1 | Tổ chức | | 107.350 | 0,87 |
| 2 | Cá nhân | | 108.610 | 0,88 |
| | Tổng cộng | | 12.400.000 | 100 |

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 12.400.000 cổ phiếu

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức không thay đổi vốn cổ phần trong năm 2025.

V. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

1. Bảo vệ môi trường

- Vận động, tuyên truyền NLĐ nâng cao ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường, có ý thức sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn năng lượng như điện, nước; giảm thiểu rác thải tại nơi làm việc; giảm thiểu các hoạt động gây phát sinh chất thải và ô nhiễm môi trường, kiểm soát và xử lý chất thải đúng quy định, góp phần cải tạo môi trường và sức khỏe con người.

- Thực hiện trồng cây xanh tại các điểm kinh doanh và bên ngoài tòa nhà văn phòng Công ty để giảm lượng khí phát thải ra môi trường.

2. Kiểm soát môi trường làm việc

- Công ty luôn tuân thủ các quy định về an toàn – phòng chống cháy nổ, thường xuyên tổ chức kiểm tra công tác đảm bảo an toàn PCCC tại các cửa hàng kinh doanh; thường xuyên quan tâm và cải tiến môi trường làm việc xanh, sạch đẹp, an toàn, thoáng mát cho NLĐ. Trong năm 2025, Công ty không có trường hợp xảy ra tai nạn lao động.

3. Chăm lo cho NLĐ

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho NLĐ, tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho NLĐ.

- Công ty đã tổ chức các lớp tập huấn về an toàn vệ sinh lao động cho CBNV và NLĐ; trang bị bảo hộ lao động cho NLĐ bao gồm quần áo, giày, bao tay, nón vải, áo mưa,...
- Ban Giám đốc phối hợp cùng Công đoàn Công ty chăm lo lương, thưởng cho NLĐ nhân các dịp Lễ, Tết.
- Tổ chức các hoạt động chăm lo, thăm hỏi, tặng quà cho NLĐ nghỉ hưu và NLĐ có hoàn cảnh khó khăn dịp Tết Nguyên đán; tặng quà cho nữ CBNV vào dịp kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10; tặng quà sinh nhật cho NLĐ và tặng quà cho NLĐ khi kết hôn.

4. Đối với cộng đồng và xã hội

- Công ty đã thực hiện đầu tư, lắp đặt các đường ống công nghệ tại các CHXD theo đúng tiêu chuẩn an toàn và thường xuyên kiểm tra, bảo trì, thực hiện xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của cơ quan chức năng.
- Tổ chức làm thêm vài ngày thứ bảy trong năm để ủng hộ các quỹ “Tương trợ Dầu khí”, quỹ “PVOIL chung một tấm lòng”, quỹ “Vì Thế hệ trẻ” của Đoàn thanh niên, quỹ “Nghĩa tình đồng đội” của Hội cựu chiến binh.
- Tham gia các hoạt động xã hội từ thiện do địa phương phát động; Ủng hộ quỹ vì người nghèo tại nơi Công ty có cơ sở hoạt động kinh doanh; thăm hỏi NLĐ có hoàn cảnh khó khăn; tặng quà cho các gia đình chính sách do Công ty đỡ đầu, hỗ trợ trên địa bàn thành phố Thủ Đức; tham gia thăm hỏi tri ân, tặng quà cho các gia đình có công với Cách mạng, mẹ Việt Nam anh hùng nhân dịp Tết Nguyên đán và ngày Thương binh liệt sĩ.

PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Đặc điểm tình hình

a. Tình hình thế giới:

Năm 2025, thị trường xăng dầu thế giới duy trì mức giá tương đối ổn định (khoảng 80–85 USD/thùng), chịu tác động từ cân đối cung – cầu, tăng trưởng GDP toàn cầu đạt khoảng 3% và nhu cầu tiêu thụ cải thiện nhẹ. Tuy nhiên, thị trường vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro do căng thẳng địa chính trị, biến động tỷ giá, các chính sách thuế quan và xu hướng chuyển dịch năng lượng xanh ngày càng tăng.

b. Tình hình trong nước:

Thị trường xăng dầu trong nước tiếp tục bám sát xu hướng giá thế giới, nguồn cung được bảo đảm, hoạt động kinh doanh ổn định. Tuy nhiên, xu hướng tiết kiệm năng lượng, chuyển đổi sang nhiên liệu sạch và sự cạnh tranh từ các thương nhân phân phối khác đặt ra nhiều thách thức.

Bên cạnh đó, việc triển khai các dự án trọng điểm của Thành phố ảnh hưởng trực tiếp đến hệ thống CHXD của Công ty, sản lượng bán hàng các CHXD khu vực TP. HCM đặc biệt các CHXD dọc tuyến METRO suối tiên cũng đã giảm đáng kể. Các chủ trương, chính sách mới của nhà nước trong việc chuyển đổi phương tiện giao thông từ xe xăng sang xe điện, đơn giá cho thuê đất, thuế... cũng đang ảnh hưởng không nhỏ đến những mảng kinh doanh khác (kinh doanh xe gắn máy, cho thuê mặt bằng) tiếp tục gặp khó khăn do sức mua suy giảm.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

- Sản lượng xăng dầu tiêu thụ năm 2025 là 136.847 m³, đạt 108% so với kế hoạch năm.
- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh thực hiện năm 2025 là 2.459 tỷ đạt 129% so với kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2025 là 13,07 tỷ đồng, đạt 131% so với kế hoạch năm.

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài sản

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2024 | Năm 2025 |
|---------------------------------|-----|----------|----------|
| Cơ cấu tài sản | | | |
| - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | % | 51,31 | 47,55 |
| - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | % | 48,69 | 52,45 |

| | | | |
|---------------------------------|-----|-------|-------|
| Cơ cấu vốn | | | |
| - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | % | 42,49 | 48,98 |
| Nợ ngắn hạn/Nợ phải trả | % | 90,22 | 94,09 |
| Nợ dài hạn/Nợ phải trả | % | 9,78 | 5,91 |
| - Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | % | 57,51 | 51,02 |
| Khả năng thanh toán | | | |
| - Khả năng thanh toán hiện hành | lần | 1,34 | 1,03 |
| - Khả năng thanh toán nhanh | lần | 0,98 | 0,90 |

2. Tình hình nợ phải trả

- Tổng các khoản nợ ngắn hạn là 175.312.092.277 đồng.

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2026

1. Dự báo tình hình

Giai đoạn cuối năm 2025 đầu năm 2026, tình hình thế giới vẫn còn nhiều bất ổn khi chiến tranh Nga – Ukraina vẫn leo thang, tình hình chính trị toàn cầu bị đe dọa khi căng thẳng Mỹ – Venezuela, Trung Quốc – Đài Loan, các chính sách thuế quan của Mỹ... tạo ra những bất ổn rất lớn đối với thế giới nói chung và giá dầu nói riêng. Đối với giá dầu trong nước, chỉ tính riêng tháng 12/2025, giá xăng dầu đã có đến 5 kỳ điều hành giảm liên tiếp, riêng mặt hàng xăng RON 95-III đã giảm về mức 18.560 đồng/lít mức gần như thấp nhất trong vòng 05 năm qua.

Thị trường của Công ty tập trung chủ yếu ở phía Đông là đầu mối giao thông quan trọng kết nối với các tỉnh lân cận; có nhiều bến bãi kho cảng, khu công nghiệp nên sản lượng tiêu thụ xăng dầu rất lớn và cũng là nơi có tốc độ phát triển kinh tế rất nhanh, tạo ra được nhu cầu cung cấp/ tiêu thụ nhiên liệu xăng dầu dồi dào;

Tuy nhiên, hoạt động sản xuất kinh doanh của Đơn vị sẽ chịu tác động từ nhiều yếu tố trong nước và quốc tế, bao gồm giá dầu thô toàn cầu, nhu cầu trong nước, chính sách quản lý của chính phủ; các thương nhân đầu mối và phân phối tiếp tục mở rộng mạng lưới, xu hướng dài hạn về việc chuyển đổi sang năng lượng tái tạo và chính sách tiết kiệm năng lượng cũng có thể làm giảm mức tiêu thụ xăng dầu ở một số lĩnh vực.

Các ngành kinh doanh khác chịu sự cạnh tranh của các doanh nghiệp tư nhân nên doanh thu, lợi nhuận suy giảm từ 20% đến 30%.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

- Sản lượng KD xăng dầu : 140.000 m³
- Doanh thu : 2.404 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế : 11 tỷ đồng.

3. Các giải pháp để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2026

- Tổ chức kinh doanh xăng dầu tuân thủ các quy định của Nhà nước, chính sách của Tổng công ty và phù hợp với đặc điểm, tình hình tại đơn vị; phấn đấu gia tăng sản lượng kinh doanh trên cả 3 kênh phân phối để mở rộng thị phần, song song với đảm bảo hiệu quả kinh doanh;
- Tập trung gia tăng sản lượng bán lẻ thông qua các CHXD hiện hữu và phát triển mới trong năm 2026. Đẩy mạnh triển khai chương trình PVOIL Easy, PVOIL B2B, PVOIL 4U và các hình thức bán hàng ứng dụng CNTT khác cùng với đa dạng hóa các hình thức thanh toán phi tiền mặt (QR code, mobile money...);
- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội phát triển CHXD theo nhiều hình thức (thuê dài hạn, tự đầu tư, hợp tác đầu tư, giới thiệu cơ hội để Tổng công ty đầu tư/thuê thành công sau đó giao cho ĐVTV thuê khai thác), phấn đấu đạt tỷ lệ 30% số CHXD phát triển mới trong năm 2026 là CHXD tự đầu tư trên cơ sở cân đối được nguồn vốn phù hợp với quy định và chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát đối với công tác đầu tư CHXD để đảm bảo đầu tư hiệu quả và không để xảy ra thua lỗ/mất vốn;
- Đẩy mạnh triển khai đầu tư và kinh doanh các dịch vụ phi xăng dầu (non-oil) tại CHXD, trạm dịch vụ xe tải đường dài;
- Thực hiện nghiêm túc Đề án 1114 về “Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại CHXD”;
- Tuân thủ tuyệt đối các quy định về an toàn - phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn cho con người và tài sản trong hoạt động SXKD;
- Quyết liệt xử lý các tồn tại để hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo đúng quy định pháp luật;
- Tập trung vào lĩnh vực chính là kinh doanh xăng dầu; Duy trì các lĩnh vực kinh doanh ngoài xăng dầu theo nguyên tắc đảm bảo hiệu quả và bảo toàn vốn;
- Tiếp tục ưu tiên đẩy mạnh kinh doanh, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của PVOIL Lube; PVOIL Trans và Thái Bình PSC để tăng cường sự gắn kết, hợp tác, hỗ trợ tiêu thụ/sử dụng tối đa sản phẩm, dịch vụ trong hệ sinh thái của PVOIL;
- Về công tác quản trị:
 - + Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động của đơn vị, đảm bảo hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn; Kiểm soát chặt chẽ công nợ, không để phát sinh nợ xấu mới, xử lý dứt điểm để thu hồi nợ tồn đọng, khó đòi, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh và thực hiện đầy đủ các biện pháp quản trị rủi ro theo quy định;
 - + Tăng cường kiểm soát, tiết giảm chi phí, giá thành, thực hiện chi phí phải gắn với hiệu quả sản xuất kinh doanh;
 - + Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, phát triển thương hiệu, đẩy mạnh triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh;

+ Đẩy mạnh việc triển khai công tác chuyển đổi số nhằm tăng cường hiệu quả quản trị, trong đó đặc biệt quan tâm đến công tác hiện đại hóa trụ bơm nhằm tạo nền tảng vững chắc cho việc ứng dụng công nghệ 4.0 trong kinh doanh bán lẻ và đa dạng hóa các hình thức thanh toán không tiền mặt;

+ Rà soát/xây dựng và áp dụng hệ thống tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện công việc (KPIs) tại Đơn vị nhằm sử dụng hiệu quả các nguồn lực hiện có và đáp ứng yêu cầu phát triển của Đơn vị;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng công ty giao.

IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty thường xuyên tổ chức đo kiểm chất thải, nước thải, đo kiểm các chỉ tiêu về vi khí hậu, môi trường làm việc tại các CHXD. Việc đo, kiểm được cơ quan có thẩm quyền thực hiện định kỳ mỗi năm 02 lần và kết quả các chỉ số đều đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.
- Công ty đã trang bị các thùng rác có nhãn nhận biết loại rác sinh hoạt hay rác thải rắn nguy hại tại các điểm kinh doanh trực thuộc và văn phòng Công ty và được các đơn vị chức năng đến thu gom theo định kỳ.
- Việc quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại công ty luôn tuân thủ quy định pháp luật, đồng thời công ty ký kết hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom xử lý đúng theo quy định hiện hành.

2. Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội

- Tham gia các hoạt động xã hội từ thiện do địa phương phát động; Công ty làm thêm ủng hộ, hỗ trợ đồng bào thiên tai, bão lũ và các hoạt động an sinh khác.
- Tổ chức các khóa đào tạo, các lớp tập huấn nghiệp vụ để nâng cao kiến thức, nghiệp vụ cho Cán bộ nhân viên, nâng cao ý thức bảo vệ an toàn về người và tài sản, các kỹ năng ứng phó với tình huống khẩn cấp về an toàn lao động- môi trường- PCCC.
- Quan tâm cải thiện môi trường làm việc cho NLĐ, đảm bảo sức khỏe, an toàn vệ sinh cho NLĐ.

PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hoạt động kinh doanh xăng dầu năm 2025 vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Đối mặt với những khó khăn và thách thức, Công ty luôn nỗ lực phấn đấu để nâng cao hiệu quả kinh doanh trong bối cảnh chiết khấu thấp, chi phí kinh doanh xăng dầu tăng cao. Kết quả kinh doanh cụ thể như sau:

- Tổng sản lượng kinh doanh xăng dầu năm 2025 là 136.847 m³, đạt 108% kế hoạch năm.
- Doanh thu năm 2025 là 2.459 tỷ đồng, đạt 129% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2025 là 13,07 tỷ, đạt 131% kế hoạch năm.
- Kế hoạch phát triển hệ thống: trong năm năm Công ty đã mua, thuê và đưa vào hoạt động mới được 4 CHXD, đạt 100% kế hoạch phát triển CHXD.
- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty, không để phát sinh các khoản nợ xấu, khó đòi.
- Đảm bảo an toàn tuyệt đối trong công tác an toàn, PCCC tại hệ thống CHXD trực thuộc;
- Tuân thủ pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội. Quản trị công ty công khai, minh bạch và đặt lợi ích của Công ty trong sự kết hợp hài hòa với lợi ích của cổ đông, khách hàng và người lao động.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- Trong điều kiện kinh doanh còn nhiều khó khăn trong năm 2025, Ban điều hành Công ty đã có nhiều giải pháp quyết liệt, kịp thời, hạn chế các thiệt hại, rủi ro trong kinh doanh.

- Ban điều hành đã triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT một cách kịp thời, đầy đủ với tinh thần trách nhiệm cao; duy trì chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng cho HĐQT về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT và tham gia ý kiến với HĐQT về việc thực hiện các kế hoạch, mục tiêu và nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.

- Ban điều hành luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, điều hành kinh doanh một cách linh hoạt, kịp thời, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT, phù hợp với diễn biến của thị trường kinh doanh xăng dầu, ổn định hoạt động kinh doanh của Công ty và đảm bảo việc làm cho NLD và bảo toàn vốn cho cổ đông.

III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

- Chỉ đạo tập trung mọi nguồn lực đầu tư phát triển ngành kinh doanh chính là xăng dầu, nghiên cứu tìm kiếm cơ hội phát triển kinh doanh ngoài xăng dầu, đầu tư cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ mới, áp dụng các phương thức kinh doanh, hợp tác, đầu tư, ...

để gia tăng sản lượng xăng dầu qua các kênh, mở rộng thị phần đẩy mạnh các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện tốt các biện pháp đảm bảo an toàn tuyệt đối trong hoạt động sản xuất kinh doanh; đảm bảo về chất lượng hàng hóa, giá cả cạnh tranh và đúng quy định của Nhà nước về quản lý giá xăng dầu nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và bảo toàn vốn.

- Chỉ đạo công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty, tăng thu nhập cho người lao động, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và đối tác; tiếp tục tham gia các hoạt động an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng.

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm có 05 thành viên:

• **Ông Nguyễn Đức Thắng : Chủ tịch HĐQT**

- Năm sinh: 1979

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật kinh tế

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

- Số cổ phiếu nắm giữ: 3.720.000 cổ phiếu (tỷ lệ 30%)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu

+ Đại diện PVOIL, sở hữu: 3.720.000 cổ phiếu

• **Ông Lại Thế Nghĩa : Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty**

- Năm sinh: 1978

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

- Số cổ phiếu nắm giữ: 2.605.730 cổ phiếu (tỷ lệ 21%)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu

+ Đại diện PVOIL, sở hữu: 2.605.730 cổ phiếu

• **Ông Nguyễn Quốc Cường: Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành)**

- Năm sinh: 1980

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn.

- Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu

• **Ông Trần Công Lành: Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành)**

- Năm sinh: 1980

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Trưởng phòng Pháp chế Cty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh.

- Số cổ phiếu nắm giữ: 1.847.160 cổ phiếu

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu

+ Đại diện Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh (SAIGON PETRO), sở hữu: 1.847.160 cổ phiếu (tỷ lệ 14,9%)

- Ông **Phạm Xuân Phong**: Thành viên HĐQT (Thành viên độc lập)
- Năm sinh: 1987
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có
- Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu (tỷ lệ 0%)

2. Các Tiểu ban thuộc HĐQT

2.1. Tiểu ban Chính sách phát triển: gồm có 05 thành viên

- Trưởng ban: Ông Lại Thế Nghĩa – Ủy viên HĐQT
- Các thành viên:
 - Ông Phạm Văn Tấn – Trưởng phòng Kinh doanh xăng dầu
 - Bà Vũ Hiền Linh – Kế toán trưởng
 - Ông Ngô Minh Thắng – Phó phòng Kinh doanh xăng dầu
 - Ông Đinh Trung Dũng – Phó phòng Kế hoạch Đầu tư và An toàn

2.2. Tiểu ban Nhân sự- Lương thưởng: gồm có 03 thành viên

- Trưởng ban: Ông Lại Thế Nghĩa – Ủy viên HĐQT
- Các thành viên:
 - Bà Trần Thị Trâm – Phó phụ trách phòng Tổ chức Hành chính
 - Bà Nguyễn Thị Mai – Phó phòng Tổ chức Hành chính

3. Hoạt động của HĐQT

- HĐQT Công ty thường xuyên giám sát hoạt động của Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế về tổ chức và hoạt động của HĐQT. HĐQT không can thiệp vào công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám Đốc, luôn tạo điều kiện và hỗ trợ Giám Đốc trong việc thực hiện hiệu quả các nghị quyết và quyết định của ĐHCĐ và HĐQT.
- Thường xuyên giám sát, đôn đốc và chỉ đạo việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, chỉ đạo phát triển các CHXD.
- Chỉ đạo, giám sát việc quản lý công nợ phải thu, phải trả, xử lý/thu hồi công nợ/nợ tồn đọng trong kinh doanh, tránh để phát sinh nợ xấu; chỉ đạo xây dựng kế hoạch tiết kiệm chi phí tại Công ty.
- Giám sát và chỉ đạo việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản: sửa chữa các CHXD và các địa điểm kinh doanh; xử lý các tồn đọng trong công tác đầu tư, hồ sơ pháp lý các khu đất; phát triển hệ thống các CHXD.
- Chỉ đạo việc xây dựng và phê duyệt định biên, kế hoạch sử dụng lao động và tiền lương năm 2025, quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2024.
- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện rà soát, sửa đổi/bổ sung các văn bản quản lý nội bộ để phù hợp với các văn bản pháp luật mới có hiệu lực của Nhà nước và tình hình thực tế của Công ty; nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại các CHXD; nâng cao công tác quản

trị trong hoạt động bán lẻ tại các CHXD; tăng cường công tác phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh lao động tại các CHXD.

- HĐQT thường xuyên phối hợp chặt chẽ và hiệu quả với Giám Đốc và Ban Kiểm soát trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; Giám sát việc tuân thủ pháp luật và các quy định nội bộ trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT ban hành đều được gửi kịp đến Giám Đốc và thông báo đến Ban kiểm soát. Tình hình thực hiện các nghị quyết/quyết định của HĐQT thường xuyên được giám sát và định kỳ xem xét đánh giá.

4. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT

Trong năm 2025, HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp hoặc thông qua lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản với các nội dung chính như sau:

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung chính |
|-----|--------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | 3/NQ-TMC-HĐQT | 22/01/2025 | Nghị quyết về việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 |
| 2 | 4/NQ-TMC-HĐQT | 22/01/2025 | Nghị quyết về việc thông qua Báo cáo thực hiện hoạt động SXKD quý IV/2024 và kế hoạch hoạt động quý I/2025. |
| 3 | 5/QĐ-TMC-HĐQT | 22/01/2025 | Quyết định thông qua mức thù lao của Người phụ trách quản trị Công ty. |
| 4 | 6/QĐ-TMC-HĐQT | 22/01/2025 | Quyết định về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty. |
| 5 | 7/NQ-TMC-HĐQT | 22/01/2025 | Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. |
| 6 | 10/NQ-TMC-HĐQT | 26/2/2025 | Nghị quyết về việc thông qua nội dung, chương trình, tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. |
| 7 | 11/QĐ-TMC-HĐQT | 26/2/2025 | Quyết định v/v tạm ngừng kinh doanh Chi nhánh CHVL XD 740A |
| 8 | 12/QĐ-TMC-HĐQT | 26/2/2025 | Quyết định v/v thành lập ban kiểm tra tư cách cổ đông ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 |
| 9 | 17/QĐ-TMC-HĐQT | 21/3/2025 | Quyết định ban hành Quy chế mua sắm hàng hóa và/hoặc thuê dịch vụ. |
| 10 | 18/QĐ-TMC-HĐQT | 21/3/2025 | Quyết định ban hành Quy chế quản lý dự án đầu tư, xây dựng. |
| 11 | 19/QĐ-TMC-HĐQT | 21/3/2025 | Quyết định v/v bổ sung phân công nhiệm vụ các TVHĐQT |
| 12 | 22/QĐ-TMC-HĐQT | 25/3/2025 | Quyết định bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng. |

| | | | |
|----|----------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 13 | 23/QĐ-TMC-HĐQT | 27/3/2025 | Quyết định thông qua điều chỉnh, bổ sung nội dung, chương trình, tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. |
| 14 | 25/QĐ-TMC-HĐQT | 02/4/2025 | Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. |
| 15 | 26/QĐ-TMC-HĐQT | 02/4/2025 | Quyết định về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị. |
| 16 | 27/QĐ-TMC-HĐQT | 03/4/2025 | Quyết định về việc chi từ quỹ thưởng Người quản lý, ban điều hành. |
| 17 | 31/QĐ-TMC-HĐQT | 05/5/2025 | Quyết định về việc ban hành Quy định phân cấp quyết định đầu tư và quản lý đầu thầu của Công ty. |
| 18 | 32/QĐ-TMC-HĐQT | 05/5/2025 | Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động bán lẻ xăng dầu của Công ty. |
| 19 | 33/NQ-TMC-HĐQT | 05/5/2025 | Nghị quyết về việc thông qua Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh quý I/2025 và kế hoạch kinh doanh quý II/2025. |
| 20 | 36/QĐ-TMC-HĐQT | 17/6/2025 | Quyết định ban hành Quy chế bán hàng xăng dầu, dầu mỡ nhờn của Công ty. |
| 21 | 39/QĐ-TMC-HĐQT | 25/6/2025 | Quyết định phê duyệt chủ trương thanh lý TSCĐ năm 2025. |
| 22 | 42/QĐ-TMC-HĐQT | 01/07/2025 | Quyết định về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/1/2025 đến ngày 30/6/2025 và kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. |
| 23 | 46/NQ-TMC-HĐQT | 30/07/2025 | Nghị quyết về việc thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh quý III năm 2025. |
| 24 | 48/QĐ-TMC-HĐQT | 04/08/2025 | Quyết định về việc phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2024 của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức. |
| 24 | 51/QĐ-TMC-HĐQT | 14/08/2025 | Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức. |
| 26 | 54/QĐ-TMC-HĐQT | 27/08/2025 | Quyết định về điều chỉnh và bổ sung nội dung thuộc Quy chế trả lương cho CBNV của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức. |

| | | | |
|----|-----------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 27 | 57/QĐ-TMC-HĐQT | 22/09/2025 | Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng vốn bằng tiền của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức. |
| 28 | 60/QĐ-TMC-HĐQT | 02/10/2025 | Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quy chế trả lương của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức. |
| 29 | 63/ QĐ-TMC-HĐQT | 04/11/2025 | Quyết định về việc phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025 của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức. |
| 30 | 64/NQ-TMC-HĐQT | 04/11/2025 | Nghị quyết về việc thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh quý IV năm 2025. |
| 31 | 67/NQ-TMC-HĐQT | 01/12/2025 | Nghị quyết về việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty. |
| 32 | 68/QĐ-TMC-HĐQT | 01/12/2025 | Quyết định về việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty. |
| 33 | 71/QĐ-TMC-HĐQT | 11/12/2025 | Quyết định về việc thông qua mức thù lao của Người phụ trách quản trị Công ty. |

5. Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT

Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT luôn tuân thủ theo đúng quy định, quy chế của HĐQT.

- Tiểu ban chính sách phát triển: tham mưu cho HĐQT về chiến lược kinh doanh của Công ty; tham mưu cho HĐQT về việc đầu tư, phát triển mới các cửa hàng xăng dầu.
- Tiểu ban nhân sự, lương thưởng: rà soát, góp ý về các chính sách về tiền lương, thưởng; tham mưu, đề xuất bổ sung các chức danh vào Quy chế trả lương- trả thưởng.

II. BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên:

- Ông Nguyễn Trọng Bình: Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách

- Năm sinh: 1979

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

- Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu (tỷ lệ 0,00%)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

- Bà Ngô Phương Hạnh: Kiểm soát viên
 - Năm sinh: 1974
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
 - Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Trưởng Phòng Tài chính Kế toán Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí TP.HCM
 - Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu
- Ông Nguyễn Thanh Bình: Kiểm soát viên
 - Năm sinh: 1962
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có
 - Số cổ phiếu nắm giữ: 192.200 cổ phiếu (tỷ lệ 1,55%)
Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 192.200 cổ phiếu
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

2. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025

- Thực hiện rà soát, đánh giá việc triển khai các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- Xem xét công tác giám sát của HĐQT đối với BDH; đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh và công tác quản lý điều hành của BDH; thẩm tra các báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán; giám sát đánh giá tình hình tài chính, tính tuân thủ, tình hình quản lý, sử dụng vốn, việc quản lý công nợ khách hàng và khả năng thanh toán nợ của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty theo quy định của pháp luật.

III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BGĐ

1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Tổng thù lao của TVHĐQT không chuyên trách thực hiện năm 2025 là: 216 triệu đồng (Hai trăm mười sáu triệu đồng).
- Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách hưởng lương và phụ cấp kiêm nhiệm theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

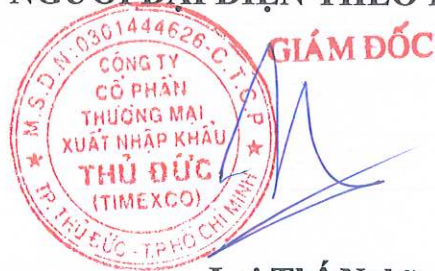
Giao dịch mua bán xăng dầu với các đơn vị thành viên của Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL) để kinh doanh. PVOIL là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức. Tổng trị giá giao dịch thực hiện trong năm 2025

là 1.968.224.391.423 (Một nghìn chín trăm sáu mươi tám tỷ, hai trăm hai mươi bốn triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, bốn trăm hai mươi ba đồng).

Giao dịch mua xăng dầu từ Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh (SAIGON PETRO) để kinh doanh. SAIGON PETRO là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức. Tổng trị giá giao dịch thực hiện trong năm 2025 là 220.899.151.011 đồng (Hai trăm hai mươi tỷ, tám trăm chín mươi chín triệu, một trăm năm mươi một nghìn, không trăm mười một đồng).

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT 



Lại Thế Nghĩa

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

TP. Hồ Chí Minh, tháng 02 năm 2026

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 4 – 5 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 6 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 7 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 8 - 29 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

| | |
|-------------------------|----------------------|
| Ông Nguyễn Đức Thắng | Chủ tịch |
| Ông Lại Thế Nghĩa | Thành viên, Giám đốc |
| Ông Trần Công Lành | Thành viên |
| Ông Nguyễn Quốc Cường | Thành viên |
| Ông Phạm Xuân Phong | Thành viên |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Phó Giám đốc |
| Bà Nghiêm Thị Thanh Mai | Phó Giám đốc |
| Ông Bùi Minh Hiệp | Phó Giám đốc |

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Lại Thế Nghĩa
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2026

Số: 13/2026/KT-AVI-TC2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06/02/2026, từ trang 04 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thương
Phó Tổng Giám Đốc
Giấy CNDKHN Kiểm toán số 0308-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2026



Nguyễn Hoàng Việt
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN Kiểm toán số 4988-2024-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|----------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - Tài sản ngắn hạn | 100 | | 180.857.420.698 | 173.003.579.142 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 69.884.519.662 | 47.475.568.492 |
| 1. Tiền | 111 | | 49.884.519.662 | 17.475.568.492 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 20.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 6 | 743.318.044 | 745.358.144 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 851.071.996 | 851.071.996 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | (107.753.952) | (105.713.852) |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 82.137.591.351 | 77.786.698.850 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 7 | 60.899.074.340 | 49.215.751.171 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 642.318.987 | 497.843.560 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8 | 23.320.711.139 | 27.295.409.829 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | (5.233.275.183) | (1.731.067.778) |
| 5. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | 9 | 2.508.762.068 | 2.508.762.068 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 10 | 23.684.927.675 | 46.476.874.515 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 24.454.399.008 | 46.476.874.515 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (769.471.333) | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 4.407.063.966 | 519.079.141 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 11 | 647.670.711 | 519.079.141 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 821.310.460 | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 18 | 2.938.082.795 | - |
| B - Tài sản dài hạn | 200 | | 199.513.124.702 | 164.190.809.496 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 10.742.000.000 | - |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 8 | 10.742.000.000 | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 117.737.568.864 | 116.137.562.107 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 12 | 43.444.833.987 | 39.972.796.678 |
| - Nguyên giá | 222 | | 159.251.412.028 | 150.590.496.593 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (115.806.578.041) | (110.617.699.915) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 13 | 74.292.734.877 | 76.164.765.429 |
| - Nguyên giá | 228 | | 102.373.187.883 | 102.373.187.883 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (28.080.453.006) | (26.208.422.454) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | 14 | 4.536.524.198 | 5.022.580.370 |
| - Nguyên giá | 231 | | 12.203.241.726 | 12.203.241.726 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (7.666.717.528) | (7.180.661.356) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 18.815.750.026 | 18.518.519 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 15 | 18.815.750.026 | 18.518.519 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 6 | 4.258.929.257 | 4.779.833.420 |
| 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 8.922.871.000 | 8.922.871.000 |
| 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (4.663.941.743) | (4.143.037.580) |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 43.422.352.357 | 38.232.315.080 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 11 | 43.111.306.532 | 37.883.943.735 |
| 2. Tài sản dài hạn khác | 268 | | 311.045.825 | 348.371.345 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 380.370.545.400 | 337.194.388.638 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 186.323.758.907 | 143.284.393.803 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 175.312.092.277 | 129.269.545.349 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 16 | 115.079.978.651 | 84.262.913.002 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 539.885.168 | 522.074.613 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 18 | 2.192.701.542 | 1.815.977.579 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 19.850.010.906 | 15.363.543.683 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 225.000.000 | 1.006.338.900 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 17 | 36.934.727.891 | 25.152.844.206 |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 489.788.119 | 1.145.853.366 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 11.011.666.630 | 14.014.848.454 |
| 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | 19 | 11.011.666.630 | 14.014.848.454 |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 194.046.786.493 | 193.909.994.835 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 20 | 194.046.786.493 | 193.909.994.835 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 124.000.000.000 | 124.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 124.000.000.000 | 124.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 27.458.121.096 | 27.458.121.096 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 31.966.724.308 | 31.164.779.910 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 10.621.941.089 | 11.287.093.829 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 1.077.371.838 | 1.262.788.848 |
| - LNST chưa phân phối cuối năm nay | 421b | | 9.544.569.251 | 10.024.304.981 |
| TÓNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 380.370.545.400 | 337.194.388.638 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc







Nguyễn Thị Thu Xương

Vũ Hiền Linh

Lại Thế Nghĩa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MẪU SỐ B02 - DN

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2025 | Năm 2024 |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 22 | 2.459.710.629.746 | 2.489.271.804.719 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 22 | 584.566.395 | 271.021.997 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 22 | 2.459.126.063.351 | 2.489.000.782.722 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 23 | 2.307.213.492.875 | 2.348.055.354.753 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 151.912.570.476 | 140.945.427.969 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 24 | 5.224.184.520 | 4.268.534.210 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 25 | 563.716.734 | 1.522.171.371 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 26 | 93.984.857.268 | 82.243.794.117 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 26 | 50.669.437.785 | 49.281.783.286 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 11.918.743.209 | 12.166.213.405 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 28 | 1.844.199.655 | 927.491.237 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 29 | 689.847.121 | 339.857.128 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 1.154.352.534 | 587.634.109 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 13.073.095.743 | 12.753.847.514 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 30 | 3.528.526.492 | 2.729.542.533 |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 9.544.569.251 | 10.024.304.981 |
| 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 31 | 770 | 550 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc







Nguyễn Thị Thu Xương

Vũ Hiền Linh

Lại Thế Nghĩa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu Số B03 - DN
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 13.073.095.743 | 12.753.847.514 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 8.527.042.578 | 8.793.287.588 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 4.794.623.001 | 2.988.632.084 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (1.976.992.713) | (1.082.844.257) |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 24.417.768.609 | 23.452.922.929 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (22.317.167.641) | (9.959.066.334) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 22.022.475.507 | 19.322.479.893 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | 37.406.439.819 | (6.583.466.672) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (5.355.954.367) | 2.274.567.036 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (2.896.419.134) | (2.866.049.478) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | 9.180.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (3.863.842.840) | (1.816.650.920) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 49.413.299.953 | 23.833.916.454 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (22.813.067.623) | (4.313.506.431) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 86.863.636 | 661.515.885 |
| 3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 1.921.855.204 | 488.229.492 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (20.804.348.783) | (3.163.761.054) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (6.200.000.000) | (7.440.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (6.200.000.000) | (7.440.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 22.408.951.170 | 13.230.155.400 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 47.475.568.492 | 34.245.413.092 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 69.884.519.662 | 47.475.568.492 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc







Nguyễn Thị Thu Xương

Vũ Hiền Linh

Lại Thế Nghĩa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301444626, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 03 năm 2000 và thay đổi lần thứ 21 ngày 01 tháng 08 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 124.000.000.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TMC.

Trụ sở chính của Công ty tại số 231 đường Võ Văn Ngân, phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số cán bộ, công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 261 người (tại ngày 31/12/2024 là 264 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Kinh doanh xe gắn máy;
- Kinh doanh nhà hàng, hội nghị, tiệc cưới;
- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng;
- Sắt thép, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thông tin về thay đổi Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và một số thông tư liên quan khác. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026. Ảnh hưởng của việc áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư 99 đối với số liệu sổ kế toán và số liệu Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 01/01/2026 được thực hiện theo hướng dẫn chuyển đổi số dư trên sổ kế toán và điều khoản chuyển tiếp quy định tại Thông tư 99 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

4.1. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết Công ty hoạt động liên tục.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn phù hợp với các quy định trong chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày trên nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định trên giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

| | Năm |
|------------------------|------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 15 - 40 |
| Máy móc, thiết bị | 06 - 20 |
| Phương tiện vận tải | 10 |
| Thiết bị quản lý | 03 - 05 |

4.7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc. Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn và phần mềm máy tính. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao.

4.8. Bất động sản đầu tư

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng là nhà cửa, vật kiến trúc với thời gian khấu hao 25 năm.

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ dụng cụ và các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ không quá 36 tháng.

4.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.11. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận trên cơ sở số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ vào doanh thu theo phương pháp đường thẳng dựa trên số tiền đã thu được và số kỳ thu tiền trước.

4.12. Quỹ tiền lương

Công ty đang thực hiện trích quỹ tiền lương theo hướng dẫn của Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP. Trong năm, Công ty thực hiện trích quỹ tiền lương với số tiền 56,9 tỷ đồng. Công ty sẽ thực hiện quyết toán quỹ tiền lương khi nhận được Quyết định phê duyệt quỹ tiền lương của cấp có thẩm quyền.

4.13. Doanh thu và thu nhập khác

Chính sách giá bán đã được Ban lãnh đạo Công ty phê duyệt hàng kỳ tại mỗi vùng là khác nhau, đảm bảo tính công khai, trung thực và minh bạch, phù hợp quy định hiện hành của Nhà nước và Công ty.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, cổ tức lợi nhuận được chia và thu từ hoạt động hợp tác kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.14. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra, không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 32.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 880.886.177 | 1.519.471.759 |
| Tiền gửi ngân hàng | 48.795.126.905 | 15.763.239.663 |
| Tiền đang chuyển | 208.506.580 | 192.857.070 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 20.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| Cộng | 69.884.519.662 | 47.475.568.492 |

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam với lãi suất 4,75%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

MẪU SỐ B09 - DN

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

| | 31/12/2025 | | | | 01/01/2025 | | | |
|---------------------------------------------------|----------------------|--|----------------------|------------------------|----------------------|--|----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | | Giá trị hợp lý | | Giá gốc | | Giá trị hợp lý | |
| | VND | | VND | Dự phòng | VND | | VND | Dự phòng |
| a. Cổ phiếu | | | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau | 265.365.605 | | 157.732.000 | (107.633.605) | 265.365.605 | | 159.800.000 | (105.565.605) |
| Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu | 585.538.344 | | 585.538.344 | - | 585.538.344 | | 585.538.344 | - |
| Công ty Cổ phần Thép Pomina | 168.047 | | 47.700 | (120.347) | 168.047 | | 19.800 | (148.247) |
| Cộng | 851.071.996 | | 743.318.044 | (107.753.952) | 851.071.996 | | 745.358.144 | (105.713.852) |
| b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Dệt Đồng Á | 897.500.000 | | - | (897.500.000) | 897.500.000 | | - | (897.500.000) |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vĩnh Long | 339.000.000 | | - | (339.000.000) | 339.000.000 | | - | (339.000.000) |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn | 3.500.000.000 | | 3.500.000.000 | - | 3.500.000.000 | | 3.500.000.000 | - |
| Tổng Công ty Thương mại Kỹ Thuật và Đầu tư - CTCP | 4.186.371.000 | | 758.929.257 | (3.427.441.743) | 4.186.371.000 | | 1.279.833.420 | (2.906.537.580) |
| Cộng | 8.922.871.000 | | 4.258.929.257 | (4.663.941.743) | 8.922.871.000 | | 4.779.833.420 | (4.143.037.580) |

7. PHẢI THU NGÁN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|-------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá trị | | Giá trị | |
| | VND | Dự phòng | VND | Dự phòng |
| Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Bình Dương | 10.278.689.650 | - | 10.276.450.290 | - |
| Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link | 6.560.230.000 | - | 6.071.430.000 | - |
| Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương | 1.571.367.900 | - | 1.991.519.780 | - |
| Công ty Cổ phần Transimex Logistic | 2.856.994.947 | - | 2.575.976.850 | - |
| Công ty TNHH Nhà máy Bia Heineken Việt Nam | 4.931.085.600 | - | - | - |
| Liên Hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh | 3.330.771.635 | - | - | - |
| Các đối tượng khác | 31.369.934.608 | (2.724.513.115) | 28.300.374.251 | (1.731.067.778) |
| Cộng | 60.899.074.340 | (2.724.513.115) | 49.215.751.171 | (1.731.067.778) |
| Trong đó: | | | | |
| Các khoản phải thu bên liên quan (*) | 300.436.000 | - | 2.611.865.146 | - |
| (*) Xem thuyết minh số 32. | | | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

8. PHẢI THU KHÁC

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | 23.320.711.139 | 27.295.409.829 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao hàng Nhanh | 382.525.560 | 6.628.041.254 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn | 12.013.039.461 | 5.331.673.050 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội | 2.079.822.286 | 3.033.674.149 |
| Các khoản ký quỹ, ký cược | 288.043.800 | 3.607.043.800 |
| Các khoản phải thu khác | 8.557.280.032 | 8.694.977.576 |
| b) Dài hạn | 10.742.000.000 | - |
| Các khoản ký quỹ, ký cược | 10.742.000.000 | - |
| Cộng | 34.062.711.139 | 27.295.409.829 |
| Trong đó: | | |
| Phải thu khác bên liên quan (*) | 16.587.776.585 | 9.963.458.538 |

(*) Xem thuyết minh số 32.

9. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

Số dư tài sản thiếu chờ xử lý là giá trị các loại xăng, dầu thiếu tại thời điểm kiểm kê ngày 15/05/2023 tại cửa hàng xăng dầu số 4 thuộc Công ty. Đến thời điểm 31/12/2025, Ban lãnh Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với các bên liên quan để làm rõ trách nhiệm trong sự việc này. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng 100% giá trị khoản mục này.

10. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 132.245.048 | - | 132.245.048 | - |
| Xăng E5 RON 92-II | 44.790.996 | (2.193.796) | 959.119.678 | - |
| Xăng RON 95-III | 8.241.348.488 | (325.567.659) | 17.516.830.594 | - |
| Xăng E10 RON95-III | 89.942.139 | (3.020.428) | - | - |
| Dầu DO 0.05%S-II | 10.560.301.826 | (435.188.560) | 15.160.142.313 | - |
| Dầu DO 0.001%S-V | 58.733.616 | (3.500.890) | - | - |
| Xe máy, phụ tùng | 4.341.059.966 | - | 11.589.547.272 | - |
| Hàng hóa khác | 985.976.929 | - | 1.118.989.610 | - |
| Cộng | 24.454.399.008 | (769.471.333) | 46.476.874.515 | - |

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | 647.670.711 | 519.079.141 |
| Công cụ dụng cụ | 199.649.045 | 184.069.984 |
| Chi phí thuê CHXD | 47.355.000 | 47.355.000 |
| Chi phí khác chờ phân bổ | 400.666.666 | 287.654.157 |
| b) Dài hạn | 43.111.306.532 | 37.883.943.735 |
| Chi phí mua QSD đất tại CHXD Phú Hữu | 31.502.408.400 | 32.223.837.600 |
| Chi phí sửa chữa, cải tạo CHXD | 2.966.362.923 | 2.934.112.682 |
| Chi phí thuê CHXD | 6.083.876.832 | 1.692.000.000 |
| Chi phí khác chờ phân bổ | 2.558.658.377 | 1.033.993.453 |
| Cộng | 43.758.977.243 | 38.403.022.876 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

MẪU SỐ B09 - DN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | | Thiết bị quản lý | | Cộng |
|------------------------|--------------------------|---------------------|---------------------|-----|------------------|-----|-----------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| NGUYỄN GIÁ | | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | 106.338.390.119 | 25.933.564.508 | 17.459.588.447 | | 858.953.519 | | 150.590.496.593 |
| Tăng trong năm | 9.640.993.163 | - | - | | - | | 9.640.993.163 |
| Nâng cấp, cải tạo TSCĐ | 9.640.993.163 | - | - | | - | | 9.640.993.163 |
| Giảm trong năm | - | - | 980.077.728 | | - | | 980.077.728 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | 980.077.728 | | - | | 980.077.728 |
| Tại ngày 31/12/2025 | 115.979.383.282 | 25.933.564.508 | 16.479.510.719 | | 858.953.519 | | 159.251.412.028 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | 70.456.185.798 | 23.447.619.657 | 15.854.940.941 | | 858.953.519 | | 110.617.699.915 |
| Tăng trong năm | 4.821.021.894 | 945.370.841 | 402.563.119 | | - | | 6.168.955.854 |
| Khấu hao trong năm | 4.821.021.894 | 945.370.841 | 402.563.119 | | - | | 6.168.955.854 |
| Giảm trong năm | - | - | 980.077.728 | | - | | 980.077.728 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | 980.077.728 | | - | | 980.077.728 |
| Tại ngày 31/12/2025 | 75.277.207.692 | 24.392.990.498 | 15.277.426.332 | | 858.953.519 | | 115.806.578.041 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | 35.882.204.321 | 2.485.944.851 | 1.604.647.506 | | - | | 39.972.796.678 |
| Tại ngày 31/12/2025 | 40.702.175.590 | 1.540.574.010 | 1.202.084.387 | | - | | 43.444.833.987 |

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn sử dụng tại 31/12/2025 là 62.874.462.286 đồng (tại 31/12/2024 là 59.035.408.053 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất lâu dài VND | Quyền sử dụng đất có thời hạn VND | Phần mềm máy tính VND | Cộng VND |
|------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------|-----------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | 20.118.319.636 | 81.320.628.247 | 934.240.000 | 102.373.187.883 |
| Tại ngày 31/12/2025 | 20.118.319.636 | 81.320.628.247 | 934.240.000 | 102.373.187.883 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | - | 25.274.182.454 | 934.240.000 | 26.208.422.454 |
| Tăng trong năm | - | 1.872.030.552 | - | 1.872.030.552 |
| Khấu hao trong năm | - | 1.872.030.552 | - | 1.872.030.552 |
| Tại ngày 31/12/2025 | - | 27.146.213.006 | 934.240.000 | 28.080.453.006 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | 20.118.319.636 | 56.046.445.793 | - | 76.164.765.429 |
| Tại ngày 31/12/2025 | 20.118.319.636 | 54.174.415.241 | - | 74.292.734.877 |

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình hình hết khấu hao vẫn sử dụng tại 31/12/2025 là 934.240.000 đồng (tại 31/12/2024 là 934.240.000 đồng).

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

| | Nhà cửa vật kiến trúc VND | Cộng VND |
|------------------------|---------------------------------|----------------|
| NGUYÊN GIÁ | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | 12.203.241.726 | 12.203.241.726 |
| Tại ngày 31/12/2025 | 12.203.241.726 | 12.203.241.726 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | 7.180.661.356 | 7.180.661.356 |
| Tăng trong năm | 486.056.172 | 486.056.172 |
| Khấu hao trong năm | 486.056.172 | 486.056.172 |
| Tại ngày 31/12/2025 | 7.666.717.528 | 7.666.717.528 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | 5.022.580.370 | 5.022.580.370 |
| Tại ngày 31/12/2025 | 4.536.524.198 | 4.536.524.198 |

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|---------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí đầu tư cửa hàng xăng dầu Ngọc Phương Nam (*) | 18.026.496.138 | - |
| Chi phí sửa chữa CHXD số 30 | 789.253.888 | - |
| Cải tạo, sửa chữa văn phòng và CHXD số 6 | - | 18.518.519 |
| Cộng | 18.815.750.026 | 18.518.519 |

(*) Là chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất từ Công ty TNHH Xăng dầu Đại Phú. Tại ngày 31/12/2025, Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục đăng ký chuyển quyền sở hữu tài sản tại cửa hàng xăng dầu này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

MẪU SỐ B09 - DN

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|----------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số có khả năng | | Số có khả năng | |
| | Giá trị | trả nợ | Giá trị | trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn | 102.863.039.137 | 102.863.039.137 | 77.517.377.279 | 77.517.377.279 |
| Công ty Honda Việt Nam - Chi nhánh TP HCM | 894.565.827 | 894.565.827 | 1.012.961.771 | 1.012.961.771 |
| Các đối tượng khác | 11.322.373.687 | 11.322.373.687 | 5.732.573.952 | 5.732.573.952 |
| Cộng | 115.079.978.651 | 115.079.978.651 | 84.262.913.002 | 84.262.913.002 |
| Trong đó: Số dư phải trả người bán là các bên liên quan | | | | |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP | 106.436.195.461 | 106.436.195.461 | 81.817.482.769 | 81.817.482.769 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn | 72.609.561 | 72.609.561 | 44.601.743 | 44.601.743 |
| Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh | 102.863.039.137 | 102.863.039.137 | 77.517.377.279 | 77.517.377.279 |
| Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam | 856.310.000 | 856.310.000 | - | - |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ | 1.696.214.760 | 1.696.214.760 | 2.722.652.683 | 2.722.652.683 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung | - | - | 42.014.440 | 42.014.440 |
| Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL | 844.841.725 | 844.841.725 | 619.264.046 | 619.264.046 |
| | 103.180.278 | 103.180.278 | 871.572.578 | 871.572.578 |

17. PHẢI TRẢ KHÁC NGÁN HẠN

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|---------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Nhận ký quỹ, ký cược | 11.238.597.047 | 8.608.663.840 |
| Tổng Công ty Thương Mại Kỹ Thuật Và Dầu Tự - CTCP | 3.025.146.919 | 2.403.189.005 |
| Công ty Cổ Phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung | 3.818.946.115 | 2.372.540.739 |
| Các đối tượng khác | 18.852.037.810 | 11.768.450.622 |
| Cộng | 36.934.727.891 | 25.152.844.206 |
| Trong đó: Phải trả các bên liên quan (*) | 23.331.415.291 | 14.249.057.390 |

(*) Xem thuyết minh số 32.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 01/01/2025 | | 31/12/2025 | |
|----------------------------------------|---------------------|---------------------|-----------------------|----------------------|
| | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số phải thu cuối năm |
| | VND | VND | VND | VND |
| Thuế GTGT đầu ra của hàng hóa, dịch vụ | - | 602.719.529 | 8.492.571.376 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 863.637.435 | 2.896.419.134 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 349.620.615 | 2.292.157.671 | - |
| Thuế nhà đất, tiền thuế đất | - | - | 8.109.370.254 | 2.938.082.795 |
| Các loại thuế khác | - | - | 41.000.000 | - |
| Cộng | - | 1.815.977.579 | 22.191.580.223 | 2.938.082.795 |
| Trong đó: | | | | |
| - Các khoản phải thu Nhà nước | - | - | - | - |
| - Các khoản phải nộp Nhà nước | - | 1.815.977.579 | 2.938.082.795 | 2.192.701.542 |

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|-----------------------------------------------------------------|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín trả trước tiền thuê văn phòng | 11.011.666.630 | 14.014.848.454 |
| Cộng | 11.011.666.630 | 14.014.848.454 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

MẪU SỐ B09 - DN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu:

| | Vốn góp của chủ sở hữu | | Thặng dư vốn cổ phần | LNST chưa phân phối | | Quỹ đầu tư phát triển | Cộng |
|----------------------------------|------------------------|--|----------------------|---------------------|--|-----------------------|------------------|
| | VND | | VND | VND | | VND | VND |
| Tại ngày 01/01/2024 | 124.000.000.000 | | 27.458.121.096 | 11.912.562.928 | | 30.867.578.606 | 194.238.262.630 |
| Lãi trong năm | - | | - | 10.024.304.981 | | - | 10.024.304.981 |
| Phân phối lợi nhuận năm 2023 | - | | - | (10.649.774.080) | | 297.201.304 | (10.352.572.776) |
| - Trích quỹ đầu tư phát triển | - | | - | (297.201.304) | | 297.201.304 | - |
| - Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | | - | (2.912.572.776) | | - | (2.912.572.776) |
| - Trả cổ tức | - | | - | (7.440.000.000) | | - | (7.440.000.000) |
| Tại ngày 01/01/2025 | 124.000.000.000 | | 27.458.121.096 | 11.287.093.829 | | 31.164.779.910 | 193.909.994.835 |
| Lãi trong năm nay | - | | - | 9.544.569.251 | | - | 9.544.569.251 |
| Phân phối lợi nhuận năm 2024 (*) | - | | - | (10.209.721.991) | | 801.944.398 | (9.407.777.593) |
| - Trích quỹ đầu tư phát triển | - | | - | (801.944.398) | | 801.944.398 | - |
| - Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | | - | (3.207.777.593) | | - | (3.207.777.593) |
| - Trả cổ tức | - | | - | (6.200.000.000) | | - | (6.200.000.000) |
| Tại ngày 31/12/2025 | 124.000.000.000 | | 27.458.121.096 | 10.621.941.089 | | 31.966.724.308 | 194.046.786.493 |

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 24/NQ-TMC-DHĐCĐ ngày 31/03/2025.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|-------------------------------------------------|-----------------|-------|-----------------|-------|
| | VND | % | VND | % |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP | 63.257.300.000 | 51,01 | 63.257.300.000 | 51,01 |
| Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh | 18.471.600.000 | 14,90 | 18.471.600.000 | 14,90 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op | 10.170.000.000 | 8,20 | 10.170.000.000 | 8,20 |
| Vốn góp đối tượng khác | 32.101.100.000 | 25,89 | 32.101.100.000 | 25,89 |
| Cộng | 124.000.000.000 | 100 | 124.000.000.000 | 100 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Cổ phiếu:

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|---------------------------------------------------|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 12.400.000 | 12.400.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 12.400.000 | 12.400.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 12.400.000 | 12.400.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 12.400.000 | 12.400.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 12.400.000 | 12.400.000 |
| * Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu): | 10.000 | 10.000 |

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. Hàng hóa nhận giữ hộ | 609.000 | 246.082 |
| - Dầu DO 0.05%S-II | 417.000 | 94.390 |
| - Xăng RON 95-III | 192.000 | 149.934 |
| - Xăng E5 RON 92-II | - | 1.758 |
| 2. Tài sản thuê ngoài | VND | VND |
| Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động các cửa hàng xăng dầu theo các thời hạn: | | |
| Từ 01 năm trở xuống | 5.137.800.000 | 4.437.800.000 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 21.065.536.380 | 15.437.700.000 |
| Trên 05 năm | 16.191.272.742 | 600.000.000 |
| Cộng | 42.394.609.122 | 20.475.500.000 |
| 3. Tài sản cho thuê | VND | VND |
| Tổng số tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng cho thuê hoạt động các vị trí, mặt bằng theo các thời hạn: | | |
| Từ 01 năm trở xuống | 13.513.223.737 | 13.699.688.432 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 25.247.579.735 | 25.056.780.455 |
| Trên 05 năm | 6.592.102.679 | 4.541.768.383 |
| Cộng | 45.352.906.151 | 43.298.237.270 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu kinh doanh xăng dầu, nhớt | 2.365.072.528.159 | 2.398.309.639.579 |
| - Doanh thu kinh doanh xăng RON 95-III | 1.414.549.671.636 | 1.469.013.158.302 |
| - Doanh thu kinh doanh dầu DO 0.05%S-II | 930.730.617.893 | 797.114.278.476 |
| - Doanh thu kinh doanh xăng E5 RON 92-II | 9.851.318.460 | 127.387.411.572 |
| - Doanh thu kinh doanh xăng E10 RON 95-III | 455.273.516 | - |
| - Doanh thu kinh doanh dầu DO 0.001%S-V | 4.054.982.126 | - |
| - Doanh thu kinh doanh nhớt | 5.430.664.528 | 4.794.791.229 |
| Doanh thu kinh doanh xe máy | 70.750.785.244 | 76.366.963.566 |
| Doanh thu kinh doanh sắt thép | - | 103.613.205 |
| Doanh thu cho thuê mặt bằng và khác | 23.887.316.343 | 14.491.588.369 |
| Cộng | 2.459.710.629.746 | 2.489.271.804.719 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 584.566.395 | 271.021.997 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 2.459.126.063.351 | 2.489.000.782.722 |
| Trong đó: | | |
| Doanh thu với các bên liên quan (*) | 11.967.217.090 | 6.069.205.466 |

(*) Chi tiết xem tại thuyết minh số 32.

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn kinh doanh xăng dầu, nhớt | 2.242.251.910.446 | 2.279.862.921.718 |
| - Giá vốn kinh doanh xăng RON 95-III | 1.340.575.847.654 | 1.399.090.416.484 |
| - Giá vốn kinh doanh dầu DO 0.05%S-II | 883.117.289.625 | 755.374.044.649 |
| - Giá vốn kinh doanh xăng E5 RON 92-II | 9.420.502.916 | 121.408.063.330 |
| - Giá vốn kinh doanh xăng E10 RON 95-III | 429.571.353 | - |
| - Giá vốn kinh doanh dầu DO 0.001%S-V | 3.934.910.824 | - |
| - Nhớt các loại | 4.773.788.074 | 3.990.397.255 |
| Giá vốn kinh doanh xe máy | 61.075.927.341 | 65.462.770.312 |
| Giá vốn kinh doanh sắt thép | - | 100.388.366 |
| Giá vốn cho thuê mặt bằng và khác | 3.116.183.755 | 2.629.274.357 |
| Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 769.471.333 | - |
| Cộng | 2.307.213.492.875 | 2.348.055.354.753 |

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 1.819.605.204 | 378.459.492 |
| Cổ tức lợi nhuận được chia | 102.250.000 | 109.770.000 |
| Thu từ hợp tác kinh doanh | 2.759.440.905 | 2.681.274.540 |
| Khác | 542.888.411 | 1.099.030.178 |
| Cộng | 5.224.184.520 | 4.268.534.210 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|-------------------------------------|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Trích lập dự phòng các khoản đầu tư | 522.944.263 | 1.493.415.306 |
| Chi phí tài chính khác | 40.772.471 | 28.756.065 |
| Cộng | 563.716.734 | 1.522.171.371 |

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí bán hàng | 93.984.857.268 | 82.243.794.117 |
| Chi phí nhân viên | 42.246.169.583 | 39.972.494.125 |
| Chi phí nhiên liệu, đồ dùng, dụng cụ | 1.552.899.584 | 4.941.175.292 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 5.320.071.781 | 6.136.156.083 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 39.654.344.938 | 27.351.370.733 |
| Chi phí bằng tiền khác | 5.211.371.382 | 3.842.597.884 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 50.669.437.785 | 49.281.783.286 |
| Chi phí nhân viên | 27.459.881.511 | 27.711.414.678 |
| Chi phí nhiên liệu, đồ dùng, dụng cụ | 1.443.756.115 | 1.065.804.385 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 90.787.042 | 27.857.148 |
| Trích lập dự phòng phải thu khó đòi | 3.502.207.405 | 1.495.216.778 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 12.488.317.714 | 14.286.702.661 |
| Chi phí bằng tiền khác | 5.684.487.998 | 4.694.787.636 |

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nhiên liệu, đồ dùng, dụng cụ | 2.996.655.699 | 6.006.979.677 |
| Chi phí nhân viên | 69.706.051.094 | 67.683.908.803 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 8.527.042.578 | 8.793.287.588 |
| Trích lập dự phòng phải thu khó đòi | 3.502.207.405 | 1.495.216.778 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 52.142.662.652 | 41.638.073.394 |
| Chi phí bằng tiền khác | 10.895.859.380 | 8.537.385.520 |
| Cộng | 147.770.478.808 | 134.154.851.760 |

28. THU NHẬP KHÁC

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|----------------------------------|----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Thu thanh lý, nhượng bán tài sản | 86.863.636 | 661.515.885 |
| Tiền khuyến mãi, chiết khấu | 1.027.736.276 | 116.527.564 |
| Thu nhập khác | 729.599.743 | 149.447.788 |
| Cộng | 1.844.199.655 | 927.491.237 |

29. CHI PHÍ KHÁC

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|---------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Thù lao Hội đồng quản trị | 324.000.000 | 288.000.000 |
| Chi phí khác | 365.847.121 | 51.857.128 |
| Cộng | 689.847.121 | 339.857.128 |

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 13.073.095.743 | 12.753.847.514 |
| Các khoản chi phí không được trừ | 3.985.553.732 | 1.003.635.160 |
| Thu nhập không chịu thuế | 147.250.000 | 109.770.000 |
| Thu nhập chịu thuế | 16.911.399.475 | 13.647.712.674 |
| Thu nhập tính thuế | 16.911.399.475 | 13.647.712.674 |
| Thuế suất | 20% | 20% |
| Truy thu thuế năm trước | 146.246.600 | - |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 3.528.526.492 | 2.729.542.533 |

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|----------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Lãi trong năm | 9.544.569.251 | 10.024.304.981 |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | 3.207.777.593 |
| Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 9.544.569.251 | 6.816.527.388 |
| Số cổ phiếu bình quân gia quyền (cổ phiếu) | 12.400.000 | 12.400.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 770 | 550 |

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2025, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể được điều chỉnh, phụ thuộc vào việc trích các quỹ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của cấp có thẩm quyền. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2024 đã được điều chỉnh lại theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 24/NQ-TMC-ĐHĐCĐ ngày 31/03/2025 về phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

32. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm như sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|----------------------------------------------------|------------------------|
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP | Công ty mẹ |
| Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh | Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn | Công ty con của PV Oil |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung | Công ty con của PV Oil |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ | Công ty con của PV Oil |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên | Công ty con của PV Oil |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định | Công ty con của PV Oil |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu | Công ty con của PV Oil |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội | Công ty con của PV Oil |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận | Công ty con của PV Oil |
| Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP | Công ty con của PV Oil |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng | Công ty con của PV Oil |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOil Hải Phòng | Công ty con của PV Oil |
| Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông | Công ty con của PV Oil |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hưng Yên | Công ty con của PV Oil |
| Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa | Công ty con của PV Oil |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân | Công ty con của PV Oil |
| Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam | Công ty con của PV Oil |
| Công ty Cổ phần TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu | Công ty con của PV Oil |
| Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL | Công ty con của PV Oil |

Số dư với các bên liên quan:

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|----------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu ngắn hạn khác | 16.587.776.585 | 9.963.458.538 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội | 2.079.822.286 | 3.033.674.149 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn | 12.013.039.461 | 5.331.673.050 |
| Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông | 603.782.223 | 980.100.517 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng | 892.198.736 | 316.330.406 |
| Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam | 420.411.340 | 144.652.130 |
| Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP | 405.038.077 | 125.107.790 |
| Công ty Cổ Phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng | 56.218.890 | 3.901.710 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ | 6.100.270 | 9.537.580 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung | 15.428.920 | 7.243.990 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu | 63.117.253 | 11.237.216 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hưng Yên | 32.619.129 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|----------------------------------------------------|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu khách hàng ngắn hạn | 300.436.000 | 2.611.865.146 |
| Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam | 75.816.000 | 1.701.810.000 |
| Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP | 224.620.000 | 471.702.000 |
| Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng | - | 157.199.484 |
| Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung | - | 281.153.662 |

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|----------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Phải trả ngắn hạn khác | 23.331.415.291 | 14.249.057.390 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung | 3.818.946.115 | 2.372.540.739 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ | 2.410.877.441 | 1.599.984.120 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu | 667.848.610 | 619.329.410 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định | 2.710.902.845 | 1.477.798.970 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên | 2.368.198.477 | 1.283.173.870 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội | 1.355.408.655 | 1.027.549.174 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận | 255.949.981 | 129.644.650 |
| Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông | 2.695.579.438 | 1.022.026.453 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn | 2.180.729.624 | 577.650.141 |
| Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP | 3.025.146.918 | 2.403.189.005 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng | 648.261.368 | 1.207.486.588 |
| Công ty Cổ Phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng | 176.125.630 | 118.846.030 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hưng Yên | 571.788.009 | 209.456.270 |
| Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa | 194.722.627 | 27.815.530 |
| Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam | 238.600.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu | 5.151.380 | 13.450.480 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân | 7.178.173 | 544.800 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh | - | 158.571.160 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Giao dịch với các bên liên quan:

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|----------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Mua hàng hóa và dịch vụ | 2.177.156.325.344 | 2.252.000.463.608 |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP | 2.813.395.715 | 1.443.218.190 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn | 1.800.111.704.506 | 1.856.871.760.816 |
| Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh | 220.899.151.011 | 279.493.942.721 |
| Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP | 7.768.976.542 | 65.335.014.009 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu | 4.696.414 | 1.213.512 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung | 26.109.175.255 | 4.012.185.916 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng | 2.725.252 | 348.955 |
| Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông | 813.463.738 | 107.574.127 |
| Công ty Cổ phần Dầu nhờn Vũng Áng | 88.646.147.453 | 8.299.425.648 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa | - | 351.409 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận | 292.083 | - |
| Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam | 15.939.788.273 | 7.230.393.276 |
| Công ty Cổ Phần Xăng Dầu Dầu Khí Phú Thọ | 4.642.835.706 | 6.826.739.644 |
| Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL | 9.160.293.703 | 17.974.587.548 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hưng Yên | 2.022.101 | 222.545 |
| Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh | - | 4.204.545.455 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội | 241.657.592 | 198.939.837 |
| | Năm 2025 | Năm 2024 |
| | VND | VND |
| Bán hàng hóa và dịch vụ | 11.967.217.090 | 6.069.205.466 |
| Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam | 8.488.375.640 | 2.933.619.916 |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP | 2.012.671.524 | 649.794.078 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung | 230.655.360 | 825.560.171 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên | 139.005.504 | 70.496.698 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ | 175.727.979 | 118.226.473 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định | 154.087.730 | 70.559.814 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu | 57.254.694 | 52.237.510 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội | 95.061.279 | 102.079.558 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận | 12.239.432 | 11.198.298 |
| Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP | 223.689.960 | 146.954.734 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng | 86.451.534 | 399.752.419 |
| Công ty Cổ Phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng | 11.449.865 | 11.593.485 |
| Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông | 96.446.704 | 79.973.797 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn | 123.586.391 | 28.480.643 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hưng Yên | 28.171.008 | 14.538.682 |
| Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa | 5.344.423 | 459.121.834 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh | 2.426.182 | 12.405.702 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân | 246.502 | 3.868.520 |
| Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh | 4.835.678 | 101.453 |
| Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu | 2.149.849 | 593.997 |
| Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL | 17.339.852 | 78.047.684 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Tiền lương, thù lao của người quản lý Công ty:

| | | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--------------------------|-----------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | | VND | VND |
| Hội đồng quản trị | Chức vụ | 942.034.799 | 1.164.825.635 |
| Đỗ Hoàng Phúc | Nguyên chủ tịch HĐQT | - | 587.132.611 |
| Nguyễn Đức Thắng | Chủ tịch HĐQT | 780.034.799 | 314.835.024 |
| Nguyễn Quốc Cường | Thành viên | 54.000.000 | 90.630.000 |
| Trần Công Lành | Thành viên | 54.000.000 | 90.630.000 |
| Phạm Xuân Phong | Thành viên | 54.000.000 | 81.598.000 |
| Ban Giám đốc | Chức vụ | 2.894.328.481 | 3.392.172.879 |
| Lại Thế Nghĩa | Giám đốc, Thành viên HĐQT | 948.087.411 | 1.064.990.466 |
| Hoàng Đình Sơn | Nguyên Giám đốc, Nguyên thành viên HĐQT | - | 30.107.000 |
| Nghiêm Thị Thanh Mai | Phó Giám đốc | 682.778.584 | 807.340.750 |
| Nguyễn Anh Tuấn | Phó Giám đốc | 638.071.408 | 759.741.370 |
| Bùi Minh Hiệp | Phó Giám đốc | 625.391.078 | 729.993.293 |
| Ban kiểm soát | Chức vụ | 615.060.131 | 677.249.484 |
| Nguyễn Trọng Bình | Trưởng ban kiểm soát | 543.060.131 | 297.368.682 |
| Nguyễn Thị Mỹ Dung | Nguyên Trưởng ban kiểm soát | - | 247.566.302 |
| Phạm Khắc Vũ Thụy | Nguyên thành viên Ban kiểm | - | 6.323.000 |
| Nguyễn Phú Khánh | Nguyên thành viên Ban kiểm | - | 6.322.500 |
| Nguyễn Thanh Bình | Thành viên | 36.000.000 | 64.350.500 |
| Ngô Phương Hạnh | Thành viên | 36.000.000 | 55.318.500 |
| Kế toán trưởng | Chức vụ | 535.679.593 | 622.672.046 |
| Vũ Hiền Linh | Kế toán trưởng | 535.679.593 | 622.672.046 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

33. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

Doanh thu thuần từ bán hàng ra ngoài

Giá vốn hàng bán

Lợi nhuận gộp

Chi phí bán hàng

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận khác

Lợi nhuận trước thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận sau thuế

| | Kinh doanh xăng dầu, nhớt VND | Kinh doanh xe máy VND | Hoạt động khác VND | Tổng cộng VND |
|--|-------------------------------------|-----------------------------|-----------------------|-------------------|
| | 2.369.538.851.110 | 70.738.095.898 | 18.849.116.343 | 2.459.126.063.351 |
| | 2.243.340.911.570 | 61.075.927.341 | 2.796.653.964 | 2.307.213.492.875 |
| | 126.197.939.540 | 9.662.168.557 | 16.052.462.379 | 151.912.570.476 |
| | | | | 93.984.857.268 |
| | | | | 50.669.437.785 |
| | | | | 5.224.184.520 |
| | | | | 563.716.734 |
| | | | | 11.918.743.209 |
| | | | | 1.154.352.534 |
| | | | | 13.073.095.743 |
| | | | | 3.528.526.492 |
| | | | | 9.544.569.251 |

2. Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2025

Tài sản

Tài sản bộ phận

Tài sản không phân bổ

Cộng

Nợ phải trả

Nợ phải trả bộ phận

Nợ phải trả không phân bổ

Cộng

| | Kinh doanh xăng dầu VND | Kinh doanh xe máy VND | Hoạt động khác VND | Tổng cộng VND |
|--|-------------------------------|-----------------------------|-----------------------|------------------|
| | 167.229.487.378 | 5.003.099.528 | 30.100.063.867 | 202.332.650.773 |
| | | | | 178.037.894.627 |
| | 167.229.487.378 | 5.003.099.528 | 30.100.063.867 | 380.370.545.400 |
| | | | | |
| | 138.005.614.184 | 5.003.099.528 | 12.921.736.630 | 155.930.450.342 |
| | | | | 224.440.095.058 |
| | 138.005.614.184 | 5.003.099.528 | 12.921.736.630 | 380.370.545.400 |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Xương

Vũ Hiền Linh

Lại Thế Nghĩa